

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2024
Về việc tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Minh Quang;
- Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà H vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05 tháng 8 năm 2024.

- **Bị đơn:** Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 26/6/2024, Bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2003. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung và ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông C.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, ông bà có 01 chung tên là Lê Huỳnh P, sinh ngày 13/5/1999. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận.

- *Về nợ chung:* Không có.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho ông Lê Văn C các văn bản tố tụng nhưng ông C vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Văn C.*

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Văn C.

- *Về con chung:* Đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Bà H khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn C. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Văn C có đăng ký thường trú tại khu phố C, thị trấn A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị H vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05/8/2024. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 109 ngày 31 tháng 12 năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C được công nhận hợp pháp.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông C vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà H trong quá trình giải quyết vụ án, xác định được cuộc sống vợ chồng của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nên ông bà đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời bà H và ông C để hoà giải nhằm cho các bên có cơ hội, thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hàn gắn được.

Vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà H và ông C đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về con chung*: Trong quá trình sống chung giữa bà H và ông C có 01 chung tên là Lê Huỳnh P, sinh ngày 13/5/1999. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] *Về tài sản chung*: Bà H khai tự thỏa thuận nên không xét đến.

[7] *Về nợ chung*: Bà H khai không có nên không xét đến.

[8] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, các Điều 51, 56, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Văn C. Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Văn C theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 109 ngày 31 tháng 12 năm 2003 của xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001937 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H, ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Bình Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ